

Bản án số: 19/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 15-4-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Thủy.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Quân; ông Phạm Văn Vinh.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Yên Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2024/TLST - HNGĐ ngày 09/01/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 18/3/2024 giữa:

*- Nguyên đơn:* Chị **Mai Thị T** - Sinh năm 2000 – Địa chỉ: **Thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa** - Có mặt.

*- Bị đơn:* Anh **Mai Sỹ M** - Sinh năm 1995 - Địa chỉ: **Thôn D, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa** - Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Mai Thị T** trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh **Mai Sỹ M** kết hôn ngày 22/12/2022, trên cơ sở tự nguyện được **UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa** cấp đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xung đột, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ ngày 07/12/2023 đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay yêu cầu được ly hôn anh **M** theo quy định của pháp luật.

Về con: Vợ chồng chị có 01 con chung là **Mai Thị Tú L** - sinh ngày: 02/11/2023. Hiện cháu đang ở cùng với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh **M** cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ vì hiện nay con đang còn nhỏ chị chưa đi làm ở đâu được.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng chị không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh **Mai Sỹ M** trình bày:

Về hôn nhân: Ngày tháng năm, cơ sở kết hôn như chị **T** trình bày là đúng. Sau ngày kết hôn, vợ chồng chung sống một thời gian hay cãi nhau, mâu thuẫn trong hôn nhân dẫn đến cuộc sống không được hạnh phúc. Vợ chồng anh sống ly thân nhau từ ngày 07/12/2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh đã hai lần đến nhà, nhưng chị **T** chửi bới, không cho anh gặp con. Bố vợ còn dọa anh không được đến nhà, nếu đến nhà sẽ chặt chân anh, mặc dù anh đến nhà không hỗn láo, không ngông cuồng, không xúc phạm bên nhà vợ. Nay chị **T** yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con: Vợ chồng anh có 01 con chung như chị **T** khai. Anh đồng ý để chị **T** trực tiếp nuôi con, anh cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đ. Vì công việc của anh là nuôi tôm cùng với bố mẹ, thu nhập phụ thuộc vào mỗi vụ tôm nên tiền chi tiêu, sinh hoạt của anh do bố mẹ anh đưa cho.

Về tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên nên Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 BLTTDS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Mai Thị T** và anh **Mai Sỹ M**. Về con: Giao cháu **Mai Thị Tú L** - sinh ngày: 02/11/2023 cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **M** có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Chị **T** và anh **M** phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Mai Thị T** có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh **Mai Sỹ M** có địa chỉ ở **thôn D, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Nga Sơn.

[2] Về hôn nhân:

Chị **Mai Thị T** và anh **Mai Sỹ M** kết hôn ngày 22/12/2022, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, không cản trở, cưới có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày kết hôn, anh chị chung sống không hạnh phúc thường xuyên xung đột, không tìm được tiếng nói chung. Anh chị đã sống ly thân



nhau từ ngày 07/12/2023 cho đến nay. Nay chị T thấy tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn, anh M đồng ý.

HĐXX xét thấy, cả chị T và anh M đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã có thời gian sống ly thân nhau. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay cũng đã có thời gian để cho anh, chị suy nghĩ lại và Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh, chị không đoàn tụ được. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 22/01/2024, đại diện thôn D, xã N cho biết: Sau khi kết hôn, anh M và chị T hay xảy ra mâu thuẫn, từ cuối năm 2023 chị T cùng con gái trở về nhà ngoại ở thôn C sinh sống cho đến nay.

Như thế chứng tỏ cuộc hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị T và anh Mai Sỹ M.

[3] Về con chung: Chị T và anh M có 01 con chung là Mai Thị Tú L - sinh ngày: 02/11/2023. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, anh M đồng ý. HĐXX thấy, hiện cháu L đang ở với chị T, mặt khác, cháu L còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, nên xử giao cháu L cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về mức cấp dưỡng: Chị T yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng, anh M đề nghị mức cấp dưỡng là 1.500.000đ/tháng. Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên, công việc của anh M là nuôi tôm cùng với bố mẹ, thu nhập phụ thuộc vào mỗi vụ tôm, tiền chi tiêu, sinh hoạt của anh do bố mẹ anh đưa cho nên thu nhập của anh không ổn định. Do đó, cần buộc anh M cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T là 1.500.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2024 cho đến khi cháu L thành niên là phù hợp.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị T và anh M không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Mai Thị T và anh Mai Sỹ M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị T và anh Mai Sỹ M.

2. Về con: Giao cháu Mai Thị Tú L - sinh ngày: 02/11/2023 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị

T là 1.500.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2024 cho đến khi cháu L thành niên. Anh M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Mai Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST mà chị đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005237 ngày 05/01/2024 của Chi cục THADS huyện N; chị T đã nộp đủ tiền án phí DSST.

Anh Mai Sỹ M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh M có quyền kháng bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Nga Tiến, huyện Nga Sơn;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Thị Thủy**